

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/5/2020

Về việc không công nhận vợ chồng giữa
anh Đoàn Minh P và chị Nông Thị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Phương Mai.

2. Ông Nguyễn Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/3/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Minh P, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Đoàn Minh P trình bày:

Anh và chị Nông Thị N về chung sống với nhau vào tháng 8 năm 2009 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng anh về sinh sống và làm ăn tại thôn L, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung có hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến năm 2015 thì anh chị thường xuyên mâu

thuần, xích mích. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Đến ngày 06/02/2017 thì mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Nông Đoàn Thanh H, sinh ngày 16/12/2010 và cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 12/11/2012. Hiện nay cháu H đang ở với anh, còn cháu N ở với chị N. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, còn chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Vì mỗi người nuôi một cháu nên anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn - chị Nông Thị N trình bày:*

Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chung sống như anh Đoàn Minh P trình bày là đúng. Năm 2015, cuộc sống chung giữa chị và anh P thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến hai người sống ly thân. Nay, anh P đề nghị Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh P, chị nhất trí.

Về con chung: Như lời trình bày của anh N là đúng, chị nhất trí để anh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Đoàn Thanh H, còn chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Linh N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị cũng nhất trí theo quan điểm của anh P là không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không công nhận anh Đoàn Minh P và chị Nông Thị N là vợ chồng.

- Giao cháu Nông Đoàn Thanh H, sinh ngày 16/12/2010 cho anh Đoàn Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Anh Đoàn Minh P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đoàn Minh P và chị Nông Thị N về chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 2009 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Đoàn Minh P và vợ là Nông Thị N đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Anh P và chị N chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận anh Đoàn Minh P và chị Nông Thị N là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Anh P và chị N có 02 con chung là cháu Nông Đoàn Thanh H, sinh ngày 16/12/2010 và cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 12/11/2012.

Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con*”. Anh P có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Đoàn Thanh H, chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Linh N, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N cũng nhất trí theo quan điểm của anh P.

Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy cần: Giao cháu Nông Đoàn Thanh H, sinh ngày 16/12/2010 cho anh Đoàn Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Đoàn Minh P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đoàn Minh P và chị Nông Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Đoàn Thanh H, sinh ngày 16/12/2010 cho anh Đoàn Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đoàn Linh N, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đoàn Minh P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003304 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nông Thị N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã P (SD-TQ);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Long Thị Tuyết Mai